



Số: 10/2024/NVS/QĐ-CTHĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế Báo cáo và Công bố thông tin
Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các nghị định, thông tư sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các nghị định, thông tư sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 93/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/05/2008;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2024/NVS/NQ-HĐQT ngày 03/07/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy chế Báo cáo và Công bố thông tin” được thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/2024/NVS/NQ-HĐQT ngày 03/07/2024 .

Điều 2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu P. HC-NS.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
NAVIBANK
PHAN ANH TUẤN

NAVI BANK
Securities



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Tầng 6, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Tel: 024.3724 5999 Fax: 024.3724 5775
Email: contact@nvs.vn Website: www.nvs.vn

QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN



NAVI BANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG		Trang 2 của 39
	Tên Tài liệu:		Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN		Hiệu chỉnh lần: 0

BẢNG THEO DÕI PHÁT HÀNH

Sửa đổi lần thứ	Ngày	Mục	Trang	Tóm tắt nội dung sửa đổi	
	03/07/2024			Phát hành lần đầu	
				Người biên soạn	Người kiểm tra
Họ tên:	Nguyễn Thùy Dương			Phan Anh Tuấn	Phan Anh Tuấn
Chức vụ:	Phó phòng Kiểm soát nội bộ			Tổng Giám đốc	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chữ ký:					
Ngày	27/06/2024			29/06/2024	03/07/2024

0
 CÔNG
 CỔ
 PHẦN
 HỨNG
 HỮU
 NAVI
 BANK
 ĐÌNH

NAVI BANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 3 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

MỤC LỤC

1.	QUY ĐỊNH CHUNG	5
1.1.	Mục đích:.....	5
1.2.	Phạm vi áp dụng	5
1.3.	Đối tượng áp dụng.....	5
1.4.	Tài liệu liên quan.....	5
1.5.	Giải thích từ ngữ.....	6
1.6.	Người thực hiện BC và CBTT	9
1.7.	Nguyên tắc chung	9
1.8.	Phương tiện BC và CBTT	10
1.9.	Quyền hạn, trách nhiệm và nguyên tắc làm việc của NBC và NBCBTT	11
2.	QUY TRÌNH BÁO CÁO	11
2.1.	Các nội dung BC	11
2.2.	Thẩm quyền xét duyệt BC.....	11
2.3.	Các bước thực hiện BC	12
3.	QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BÁO CÁO.....	12
3.1.	Báo cáo định kỳ	12
3.2.	Báo cáo bất thường.....	17
3.3.	Báo cáo theo yêu cầu.....	20
4.	QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN	20
4.1.	Các nội dung CBTT	20
4.2.	Thẩm quyền xét duyệt CBTT.....	21
4.3.	Các bước thực hiện CBTT	21
5.	QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	21
5.1.	Quy định về tài liệu CBTT.....	21
5.2.	Tạm hoãn CBTT.....	22
5.3.	Công bố thông tin định kỳ.....	22
5.4.	Công bố thông tin bất thường.....	24
5.5.	Công bố thông tin theo yêu cầu.....	28
6.	TRÁCH NHIỆM	28
6.1.	Ban Lãnh đạo	28
6.2.	Khối Môi giới.....	28

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 4 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

6.3.	Khối Tư vấn	30
6.4.	Phòng Tụ doanh	30
6.5.	Khối Công nghệ thông tin	32
6.6.	Phòng Tài chính - Kế toán.....	32
6.7.	Phòng Hành chính - Nhân sự	34
6.8.	Phòng Quản trị rủi ro.....	35
6.9.	Phòng Kiểm toán nội bộ.....	36
6.10.	Phòng Kiểm soát nội bộ	36
7.	LƯU TRỮ HỒ SƠ	38
8.	XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	39
8.1.	Xử lý vi phạm.....	39
8.2.	Điều khoản thi hành	39

TY
 N
 HO
 NK
 P.1

NAVI BANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 5 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Mục đích:

Quy chế Báo cáo và Công bố thông tin được ban hành nhằm mục đích hướng dẫn, giải thích và cụ thể hóa các quy định, nguyên tắc, trình tự cơ bản, thời hạn về báo cáo và công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank nhằm đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của Công ty đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

1.2. Phạm vi áp dụng

Quy chế BC và CBTT quy định về cách thức, trình tự thực hiện báo cáo và công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty đối với các cơ quan quản lý Nhà nước, cổ đông, nhà đầu tư và khách hàng của Công ty theo quy định của pháp luật về nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của công ty chứng khoán.

1.3. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho toàn bộ các khối/phòng, cá nhân trong Công ty liên quan đến hoạt động báo cáo và công bố thông tin của Công ty, cổ đông, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

1.4. Tài liệu liên quan

1.4.1. Văn bản pháp lý

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 do Quốc Hội ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Luật phòng, chống rửa tiền số 07/2012/QH13 ngày 18/6/2012 do Quốc Hội ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013;
- Nghị định số 82/2007/NĐ-CP ngày 23/05/2007 về *Quy định cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia* do Chính phủ ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2007;
- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về *Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế* do Chính phủ ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về *Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán* do Chính phủ ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 về *Quy định về hành nghề chứng khoán* do Bộ Tài Chính ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2016;
- Thông tư 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 về *Hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán* do Bộ Tài Chính ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 19/12/2017;
- Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 về *Quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính* do Bộ Tài Chính ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 6 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0


- Thông tư số 95/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về *Hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán* do Bộ Tài Chính ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về *Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán* do Bộ Tài Chính ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về *Quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán* do Bộ Tài Chính ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021;
- Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về *Hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế* 15/02/2021;
- Thông tư 09/2023/TT-NHNN ngày 28/7/2023 về *Hướng dẫn thực hiện một số điều của luật phòng, chống rửa tiền* do Ngân hàng Nhà nước ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 28/7/2023 ;
- Quy chế Hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 về *việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán* của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/04/2017;
- Quy chế thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-SGDVN ngày 20/01/2022 do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/01/2022.
- Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 21/12/2021;
- Các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam.

1.4.2. Tài liệu nội bộ

Các quy trình, quy chế nội bộ có liên quan của Công ty.

1.5. Giải thích từ ngữ

- *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 do Quốc Hội ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- *Nghị định 153/2020/NĐ-CP* là Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về “Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế” do Chính phủ ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP* là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành”, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

 NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 7 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

- *Thông tư 134/2017/TT-BTC* là Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19/12/2017 về “Hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường chứng khoán”, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/03/2018;
- *Thông tư 91/2020/TT-BTC* là Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 về Quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chi tiêu an toàn tài chính do Bộ Tài Chính ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- *Thông tư 96/2020/TT-BTC* là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài Chính ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- *Thông tư 121/2020/TT-BTC* là Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về “Quy định về hoạt động của Công ty chứng khoán do Bộ Tài Chính ban hành”, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021;
- *Quy chế Thành viên VNX* là Quy chế thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-SGDVN ngày 20/01/2022 do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/01/2022.
- *Người nội bộ* là:
 - Thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
 - Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Thư ký công ty;
 - Người phụ trách quản trị công ty;
 - Người được ủy quyền công bố thông tin.
- *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin bao gồm:
 - a) Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin;
 - b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
 - d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).
- *Ngày báo cáo* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước;

2
NG
PH
GI
VIB
H -

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 8 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

- *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.*
- *Công ty hoặc NVS là Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *Quy chế hoặc Quy chế BC và CBTT là Quy chế Báo cáo và Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *DHDCĐ là Đại hội đồng cổ đông;*
- *HDQT là Hội đồng quản trị;*
- *TGD là Tổng giám đốc;*
- *BC là Báo cáo;*
- *CBTT là công bố thông tin;*
- *NBC là người có trách nhiệm hoặc người được phân công phụ trách thực hiện báo cáo;*
- *NCBTT là người có trách nhiệm hoặc người được phân công phụ trách thực hiện công bố thông tin;*
- *UBCKNN là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;*
- *VSDC là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;*
- *SGDCK là các Sở giao dịch chứng khoán;*
- *VNX là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;*
- *HSX là Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;*
- *HNX là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;*
- *UBGSTC là Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia Việt Nam;*
- *BCTC là Báo cáo tài chính;*
- *SCMS là Hệ thống Cơ sở dữ liệu quản lý Công ty chứng khoán của UBCKNN;*
- *CIMS là Hệ thống quản lý thông tin công ty của HNX;*
- *MG là Khối Môi giới của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *TV là Phòng Tư vấn đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *TD là Phòng TỰ doanh của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *CNTT là Khối Công nghệ thông tin của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *TCKT là Phòng Tài chính - Kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *HCNS là Phòng Hành chính - Nhân sự của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *KSNB là Phòng Kiểm soát nội bộ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *QTRR là Phòng Quản trị rủi ro của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank;*
- *UBKT là Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank.*

1.6. Người thực hiện BC và CBTT

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 9 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

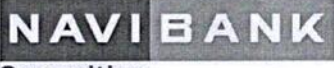
- Công ty thiết lập 01 (một) đầu mối chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 (một) người đại diện theo pháp luật hoặc 01 (một) cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty;
- Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 (một) người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 (một) người chịu trách nhiệm công bố thông tin.

Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 (hai mươi) giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

- Trường hợp phát sinh sự kiện BC/CBTT bất thường mà cả người đại diện theo pháp luật của Công ty và NBC/NCBTT đều vắng mặt thì người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền hoặc phân công cho 01 (một) người khác có trách nhiệm thay thế thực hiện việc BC/CBTT.

1.7. Nguyên tắc chung

- Việc BC/CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật;
- Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. Trường hợp cá nhân và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì Công ty phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 (hai) bản tài liệu, trong đó 01 (một) bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 (một) bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin;
- Việc CBTT phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện;
- Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính kịp thời, đầy đủ và chính xác của nội dung thông tin công bố. Đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố;
- Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, NCBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi kèm theo công văn đính chính và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó đến cơ quan quản lý nhà nước và Website của Công ty;
- Việc thực hiện BC cho VSDC do MG phụ trách và được thực hiện theo quy định của VSDC;
- Đối với các BC phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật, việc CBTT phải được thực hiện đồng thời với việc BC tới UBCKNN, SGDCK và trên website của Công ty;

 NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 10 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

- Thời điểm ghi nhận việc BC/CBTT là thời điểm Công ty gửi tin BC/CBTT trên hệ thống báo cáo trực tuyến SCMS, CIMS để chờ phê duyệt hoặc thời điểm Công ty gửi mail tới các đầu mối liên hệ của cơ quan nhà nước quản lý việc báo cáo hoặc thời điểm cơ quan nhà nước nhận được thư BC/CBTT bản cứng của Công ty, tùy thuộc thời điểm nào đến trước;
- Việc BC và CBTT bằng hình thức gửi mail tới cơ quan nhà nước được thực hiện qua hòm thư congbothongtin@nvs.vn;
- Ngôn ngữ thực hiện CBTT là Tiếng Việt, trường hợp Công ty CBTT bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo;
- Ngôn từ trong thông tin công bố cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây hiểu lầm cho cơ quan nhà nước, cổ đông và nhà đầu tư;
- Trường hợp có thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử xảy ra sự cố dẫn đến gián đoạn thông tin công bố đến nhà đầu tư, Công ty thông báo bằng văn bản đến UBCKNN và SGDCK, trong đó nêu rõ thời gian thay đổi và địa chỉ của trang thông tin điện tử mới, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục sự cố dẫn đến gián đoạn thông tin trong thời gian sớm nhất kể từ thời điểm phát hiện sự cố cho UBCKNN và SGDCK;
- Trường hợp Công ty không thể gửi BC và CBTT tới cơ quản lý thông qua hình thức trực tuyến vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số..., Công ty có trách nhiệm gửi BC hoặc thông tin công bố bằng văn bản qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở chính của cơ quan quản lý, đồng thời gửi bản dữ liệu điện tử qua mail theo đúng thời hạn quy định, đồng thời thông báo ngay cho Trung tâm hỗ trợ SCMS/CIMS lý do không thể thực hiện gửi báo cáo hoặc thông tin công bố qua hình thức trực tuyến theo yêu cầu của UBCKNN/SGDCK để UBCKNN/SGDCK hướng dẫn khắc phục sự cố;
- Việc lưu trữ BC, văn bản CBTT được thực hiện theo quy định tại Mục 7 của Quy chế này.

1.8. Phương tiện BC và CBTT

- Công ty thực hiện BC/CBTT cho các cơ quan quản lý Nhà nước dưới hình thức văn bản hoặc dữ liệu điện tử;
- Với những loại BC hoặc nội dung CBTT không được tích hợp trên phần mềm BC trực tuyến của các cơ quan quản lý nhà nước, Công ty phải thực hiện BC/CBTT thông qua việc gửi mail hoặc gửi báo cáo bằng văn bản và gửi chuyển phát bằng đường thư đến cơ quan quản lý nhà nước;
- Việc BC/CBTT cho UBCKNN được thực hiện thông qua hệ thống SCMS theo Quy chế hướng dẫn Công ty chứng khoán sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Công ty chứng khoán của UBCKNN ban hành kèm theo Quyết định số 658/QĐ-UBCK ngày 04/09/2014 của UBCKNN;
- Việc BC/CBTT cho HNX được thực hiện qua CIMS theo Quy chế Thành viên VNX và Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 21/12/2021;

NAVI BANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 11 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

- Việc BC/CBTT cho UBGSTC được thực hiện bằng hình thức gửi mail và hình thức gửi thư tới địa chỉ của người phụ trách quản lý việc BC và CBTT theo Công văn số 60/UBGSTCQG-TTTTGS ngày 19/04/2021 của Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia về việc cung cấp báo cáo cho Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;

- Thông tin BC và CBTT phải đăng tải trên Website Công ty theo quy định của pháp luật tại chuyên mục “Quan hệ nhà đầu tư” theo đường link: www.nvs.vn;

- Việc thực hiện BC cho các cơ quan quản lý nhà nước khác được thực hiện theo quy định của cơ quan đó.

1.9. Quyền hạn, trách nhiệm và nguyên tắc làm việc của NBC và NBCTT

- Đại diện Công ty thực hiện nghĩa vụ BC và CBTT;

- Yêu cầu các bộ phận có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;

- Cập nhật và báo cáo các nội dung liên quan việc BC và CBTT cho TGD, HĐQT khi có yêu cầu;

- Thường xuyên cập nhật các quy định liên quan đến việc BC và CBTT, các biểu mẫu BC, cách thức nộp, đầu mối nhận BC và CBTT của cơ quan quản lý nhà nước;

- Đề xuất, kiến nghị với TGD, HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này;

- Trực tiếp chỉ đạo, rà soát số liệu, kiểm tra thông tin tại các BC và CBTT theo đúng quy định;

- Chủ động hoàn thành công việc được giao, trao đổi, kiểm tra thông tin với người có liên quan trong Công ty, người đại diện theo pháp luật để hoàn thiện đúng, đầy đủ, chính xác việc BC và CBTT.

- Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc CBTT của Công ty;

- Chịu trách nhiệm trước Công ty và trước pháp luật về các thông tin công bố và báo cáo.

2. QUY TRÌNH BÁO CÁO

2.1. Các nội dung BC

- BC định kỳ;

- BC bất thường;

- BC theo yêu cầu;

- Các nội dung cần BC khác.


2.2. Thẩm quyền xét duyệt BC

- Tùy thuộc quy định pháp luật về người đại diện Công ty ký BC, Chủ tịch HĐQT/ TGD là người có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất trong việc xét duyệt BC;

- Chủ tịch HĐQT/TGD có thể ủy quyền cho người khác thực hiện việc ký BC nhưng việc ủy quyền phải được lập thành văn bản.

2.3. Các bước thực hiện BC

2.3.1. Bước 1: Gửi thông tin BC

 NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 12 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

Cá nhân, khối/phòng có liên quan đến việc thực hiện BC có trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu BC cho NBC theo phạm vi công việc phụ trách, theo yêu cầu về nội dung và thời hạn của Quy chế này hoặc theo yêu cầu của NBC;

2.3.2. **Bước 2: Xử lý thông tin**

Trên cơ sở số liệu và tài liệu được cung cấp, NBC phải tiến hành rà soát, kiểm tra, đối chiếu lại các số liệu và tài liệu BC được cung cấp với số liệu BC của kỳ BC trước cùng các hoạt động kinh doanh trên thực tế của Công ty để đưa ra được số liệu chính xác.

2.3.3. **Bước 3: Xây dựng BC**

NBC tổng hợp số liệu chính xác vào file BC mẫu bản in và file BC mẫu nhập liệu để đăng tải lên các hệ thống nộp báo cáo trực tuyến (nếu có);

2.3.4. **Bước 4: Phê duyệt**

NBC hoàn thiện file BC, in và trình xin chữ ký của những người có thẩm quyền kiểm tra và phê duyệt báo cáo, sau đó, xin dấu xác nhận của Công ty;

2.3.5. **Bước 5: Hoàn thiện BC**

NBC scan lại toàn bộ bản BC đã hoàn thiện để phục vụ việc gửi BC và lưu trữ thông tin bản mềm cùng với việc lưu BC bản cứng của Công ty;

2.3.6. **Bước 6: Thực hiện việc BC**

NBC thực hiện việc gửi BC theo đúng trình tự, thủ tục được quy định trong các văn bản pháp luật và quy chế của UBCKNN, UBGSTC cùng các SGDCCK đối với từng BC cụ thể.

2.3.7. **Bước 7: Hậu kiểm BC**

Sau khi nộp BC, NBC có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu lại các số liệu và nội dung đã thực hiện BC. Nếu phát hiện thấy dấu hiệu sai sót, không đúng với nội dung đã cung cấp, NBC có ý kiến yêu cầu nơi đăng tải BC phải đính chính lại các thông tin BC đó.

3. **QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BÁO CÁO**

3.1. **Báo cáo định kỳ**

3.1.1. ***Hàng ngày:***

Hàng ngày, Công ty phải gửi cho UBCKNN BC nhanh tình hình môi giới và tự doanh chứng khoán niêm yết theo ngày.

3.1.2. ***Hàng tuần:***

Trước 16 giờ Thứ Hai hoặc ngày làm việc đầu tiên của tuần, công ty chứng khoán có tài khoản chuyên dụng phải BC UBCKNN số lượng khách hàng, số dư tiền của khách hàng tại tài khoản chuyên dụng của công ty chứng khoán mở tại ngân hàng thương mại theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 121/2020/TT-BTC. Số liệu báo cáo nêu trên được chốt tại thời điểm cuối ngày làm việc liền trước ngày báo cáo.

3.1.3. ***Hàng tháng:***

3.1.3.1. BC Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trong Tháng:

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 13 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

Trước ngày giao dịch thứ 05 (năm) của tháng tiếp theo, Công ty phải gửi BC Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 của Quy chế Hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán của UBCKNN, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/04/2017) đến SGDCK theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống CIMS và đăng tải nội dung báo cáo lên mục “Tin NVS” thuộc chuyên mục “Quan hệ nhà đầu tư”.

3.1.3.2. BC Giám sát

- a. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo, Công ty phải gửi BC Giám sát (theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư 115/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017 của Bộ Tài Chính về việc *Hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán*) đến UBCKNN theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống SCMS và gửi thư bản cứng đến Vụ Giám sát thị trường thuộc UBCKNN;
- b. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng, Công ty phải gửi BC Giám sát (theo mẫu quy định tại Phụ lục 13/QCTV ban hành kèm theo Quy chế Thành viên VNX) đến SGDCK theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống CIMS.

3.1.3.3. BC Tình hình hoạt động tháng

- a. Trong vòng 05 (năm) ngày làm việc của tháng tiếp theo, Công ty phải gửi BC Tình hình hoạt động tháng (theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II Thông tư 121/2020/TT-BTC) đến UBCKNN theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống SCMS và đến UBGSTC theo hình thức gửi mail và thư bản cứng đến đầu mỗi nhận BC của UBGSTC;
- b. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng, Công ty phải gửi BC Tình hình hoạt động kinh doanh (theo mẫu quy định tại Phụ lục 11/QCTV ban hành kèm theo Quy chế Thành viên VNX) đến SGDCK theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống CIMS.

3.1.3.4. BC Tỷ lệ an toàn tài chính:

Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tháng, Công ty phải gửi BC Tỷ lệ An toàn tài chính tại ngày kết thúc tháng (theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020) đến UBCKNN theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống SCMS và đến UBGSTC theo hình thức gửi mail và thư bản cứng đến đầu mỗi nhận BC của UBGSTC.

3.1.3.5. BC tình hình đóng, mở tài khoản và khách hàng ủy quyền

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng, Công ty phải gửi BC tình hình đóng, mở tài khoản và khách hàng ủy quyền (theo mẫu quy định tại Phụ lục 12/QCTV ban hành kèm theo Quy chế Thành viên VNX) đến SGDCK theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống CIMS.

3.1.3.6. BC tình hình tài sản có - tài sản nợ

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 14 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

Chậm nhất vào ngày 15 (mười lăm) của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo, Công ty phải gửi BC tình hình tài sản có - tài sản nợ (đối với các chi tiêu: Tài sản có (I): mục (2); Tài sản nợ (II): mục (1), (2), (4) theo mẫu quy định tại Phụ lục III-Biểu số 3.4-NHNN Nghị định 82/2007/NĐ-CP ngày 23/05/2007 về việc quy định cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia) đến UBGSTC theo hình thức gửi mail và thư bản cứng đến đầu mỗi nhận BC của UBGSTC.

3.1.4. **Hàng quý:**

3.1.4.1. BC Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trong Quý:

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc đầu tiên của quý báo cáo, Công ty phải gửi BC Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trong Quý đó (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 14/QCTV ban hành kèm theo Quy chế Thành viên VNX) đến SGDCK theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống CIMS và đăng tải nội dung báo cáo lên mục "Tin NVS" thuộc chuyên mục "Quan hệ nhà đầu tư".

3.1.4.2. BC Tài chính Quý

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc quý, Công ty phải công bố BCTC Quý theo quy định về CBTT BCTC được quy định tại khoản 5.3.1 khoản 5.3 Mục 5 của Quy chế này.

3.1.4.3. BC tình hình tài sản có - tài sản nợ

Chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo, Công ty phải gửi BC tình hình tài sản có - tài sản nợ (đối với toàn bộ các chi tiêu theo mẫu quy định tại Phụ lục III-Biểu số 3.4-NHNN Nghị định 82/2007/NĐ-CP ngày 23/05/2007 về việc quy định cung cấp thông tin phục vụ xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ quốc gia) đến UBGSTC theo hình thức gửi mail và thư bản cứng đến đầu mỗi nhận BC của UBGSTC.


3.1.4.4. BC Tình hình hoạt động Quý

Chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo, Công ty phải gửi BC Tình hình hoạt động quý (đối với các chi tiêu phải BC hàng quý theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II Thông tư 121/2020/TT-BTC) đến UBCKNN theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống SCMS và đến UBGSTC theo hình thức gửi mail và thư bản cứng đến đầu mỗi nhận BC của UBGSTC.

3.1.4.5. BC định kỳ quý về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp

Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau, Công ty phải gửi BC định kỳ quý về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp theo hình thức văn bản giấy đến UBCKNN. Báo cáo bao gồm những nội dung sau:

- a) Số lượng hợp đồng tư vấn chào bán trái phiếu doanh nghiệp hoàn thành trong kỳ, khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành thành công trong kỳ, lũy kế từ ngày 01 tháng 01 đến ngày kết thúc quý, kèm theo thông tin cụ thể về các hồ sơ tư vấn chào bán đã thực hiện trong kỳ (tên doanh nghiệp phát hành, mã trái phiếu, ngày phát hành, khối lượng phát hành, kỳ hạn, phương thức phát hành);

 NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 15 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

b) Đánh giá việc tuân thủ quy định về điều kiện và hồ sơ chào bán đối với từng hợp đồng tư vấn chào bán trái phiếu đã thực hiện và hoàn thành trong kỳ theo quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP.

3.1.5. Bán niên:

3.1.5.1. BC chi tiết các khoản phải thu lớn nhất tại thời điểm 30/6

Chậm nhất vào ngày 15 (mười lăm) của tháng tiếp theo sau kỳ báo cáo tại thời điểm 30/6, Công ty phải gửi BC chi tiết các khoản phải thu lớn nhất tại thời điểm 30/6 (theo mẫu số 01-QLQ ban hành kèm theo Công văn số 164/UBGSTCQG-TTTTGS ngày 22/09/2015 của UBGSTC về việc “cung cấp báo cáo cho Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia”) đến UBGSTC theo hình thức gửi mail và thư bản cứng đến đầu mỗi nhận BC của UBGSTC.

3.1.5.2. BC quản trị rủi ro

Trước 31/7 hàng năm, Công ty phải gửi BC 6 tháng về hoạt động quản trị rủi ro (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư 121/2020/TT-BTC) đến UBCKNN theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống SCMS.

3.1.5.3. BC Tình hình quản trị công ty

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch, Công ty phải CBTT về BC tình hình quản trị công ty theo quy định về CBTT BC Tình hình quản trị công ty được quy định tại khoản 5.3.3 khoản 5.3 Mục 5 của Quy chế này.

3.1.5.4. BC Tỷ lệ An toàn tài chính bán niên

Trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính, Công ty phải công bố BC Tỷ lệ An toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định về CBTT BC Tỷ lệ An toàn tài chính được quy định tại khoản 5.3.2 khoản 5.3 Mục 5 của Quy chế này.

3.1.5.5. BC Tài chính bán niên

Trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính, Công ty phải công bố BCTC tại ngày 30 tháng 6 đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định về CBTT BCTC được quy định tại khoản 5.3.1 khoản 5.3 Mục 5 của Quy chế này.

3.1.6. Hàng năm:

3.1.6.1. BC Tình hình hoạt động năm

a. Trước ngày 20 tháng 01 của năm tiếp theo, Công ty phải gửi BC Tổng hợp tình hình hoạt động của công ty (theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II Thông tư 121/2020/TT-BTC) đến UBCKNN theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống SCMS và đến UBGSTC theo hình thức gửi mail và thư bản cứng đến đầu mỗi nhận BC của UBGSTC;

b. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm, Công ty phải gửi BC Tình hình hoạt động kinh doanh năm (theo mẫu quy định tại Phụ lục 11/QCTV ban hành kèm theo Quy chế Thành viên VNX) đến SGDCK theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống CIMS.

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 16 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

3.1.6.2. BC Danh sách nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đang làm việc tại công ty

Trước ngày 20 tháng 01 hàng năm, Công ty phải gửi BC về nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại công ty trong năm (theo mẫu quy định tại Phụ lục số VII Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 về “Quy định về hành nghề chứng khoán”, có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2016) đến UBCKNN theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống SCMS.

3.1.6.3. BC chi tiết các khoản phải thu lớn nhất tại thời điểm 31/12

Chậm nhất vào ngày 15 (mười lăm) của tháng tiếp theo sau kỳ báo cáo tại thời điểm 31/12, Công ty phải gửi BC chi tiết các khoản phải thu lớn nhất tại thời điểm 31/12 (theo mẫu số 01-QLQ ban hành kèm theo Công văn số 164/UBGSTCQG-TTTTGS ngày 22/09/2015 của UBGSTC về việc “Cung cấp báo cáo cho Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia”) đến UBGSTC theo hình thức gửi mail và thư bản cứng đến đầu mỗi nhận BC của UBGSTC.

3.1.6.4. BC quản trị rủi ro

Trước ngày 31/01 hàng năm, Công ty phải gửi BC năm về hoạt động quản trị rủi ro (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 121/2020/TT-BTC) đến UBCKNN theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống SCMS.

3.1.6.5. BC chính sách rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt

Trước ngày 31/1 hàng năm, Công ty phải gửi Chính sách rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt đến UBCKNN theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống SCMS.

3.1.6.6. BC Kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền

Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi BC Kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền đến Cục Phòng chống rửa tiền thuộc Ngân hàng nhà nước Việt Nam theo hình thức gửi thư bản cứng.

3.1.6.7. BC năm về hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến

Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm, Công ty phải gửi BC năm về hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 Thông tư số 134/2017/TT-BTC) đến UBCKNN theo hình thức gửi BC trực tuyến tại hệ thống SCMS.

3.1.6.8. BC Tình hình quản trị công ty

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch, Công ty phải CBTT về BC Tình hình quản trị công ty theo quy định về CBTT BC Tình hình quản trị công ty được quy định tại khoản 5.3.3 khoản 5.3 Mục 5 của Quy chế này.

3.1.6.9. BC Tỷ lệ An toàn tài chính năm

Trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo, Công ty phải công bố BC Tỷ lệ An toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định về CBTT BC Tỷ lệ An toàn tài chính được quy định tại khoản 5.3.2 khoản 5.3 Mục 5 của Quy chế này.

3.1.6.10. BC Tài chính năm

/C/
 TY
 N
 -OÁ
 NK
 0.4

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 17 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

Trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo, Công ty phải công bố BCTC tại ngày 31 tháng 12 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán được chấp thuận theo quy định về CBTT BCTC được quy định tại khoản 5.3.1 khoản 5.3 Mục 5 của Quy chế này.

3.1.6.11. BC Thường niên

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 (một trăm mười) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải công bố BC Thường niên theo quy định về CBTT Thường niên được quy định tại khoản 5.3.4 khoản 5.3 Mục 5 của Quy chế này.

3.1.6.12. BC định kỳ năm về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp

Chậm nhất là ngày 25 tháng 01 năm sau, Công ty phải gửi BC định kỳ năm về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp theo hình thức văn bản giấy đến UBCKNN. Báo cáo bao gồm những nội dung sau:

- a) Số lượng hợp đồng tư vấn chào bán trái phiếu doanh nghiệp hoàn thành trong kỳ, khối lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành thành công trong kỳ, lũy kể từ ngày 01 tháng 01 đến ngày kết thúc năm báo cáo, kèm theo thông tin cụ thể về các hồ sơ tư vấn chào bán đã thực hiện trong kỳ (tên doanh nghiệp phát hành, mã trái phiếu, ngày phát hành, khối lượng phát hành, kỳ hạn, phương thức phát hành);
- b) Đánh giá việc tuân thủ quy định về điều kiện và hồ sơ chào bán đối với từng hợp đồng tư vấn chào bán trái phiếu đã thực hiện và hoàn thành trong kỳ theo quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP.

3.2. Báo cáo bất thường

3.2.1. Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, Công ty phải báo cáo bất thường bằng văn bản cho VNX:

- a) Bị đình chỉ một hoặc một số hoạt động kinh doanh chứng khoán, kinh doanh chứng khoán phái sinh;
- b) Bị mất khả năng thanh toán;
- c) Phát hiện các giao dịch có dấu hiệu là các giao dịch bị cấm quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán 2019;
- d) Thay đổi thành viên bù trừ kèm hợp đồng ủy thác bù trừ ký với thành viên bù trừ thay thế (đối với thành viên không bù trừ);
- d) Thay đổi các tài liệu theo danh mục quy định tại Phụ lục 03/QLTV ban hành kèm theo Quy chế Thành viên VNX và gửi kèm các tài liệu đó;
- e) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

3.2.2. Trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm phát hiện giao dịch đáng ngờ do khách hàng yêu cầu có dấu hiệu liên quan đến tội phạm, Công ty có trách nhiệm báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp cụ thể sau đây:

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 18 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

- a) Khi biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó. Việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án theo thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến rửa tiền được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin khi khách hàng, giao dịch có một hoặc nhiều dấu hiệu đáng ngờ quy định tại các điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 và 33 của Luật Phòng chống rửa tiền năm 2022 và có thể từ các dấu hiệu khác do đối tượng báo cáo xác định.

3.2.3. Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc phát hiện người hành nghề chứng khoán vi phạm quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán Công ty phải thông báo UBCKNN về tình hình sử dụng người hành nghề theo Mẫu số 87 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP, kèm theo hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng (đối với trường hợp tuyển dụng), quyết định chấm dứt hợp đồng lao động (đối với trường hợp nghỉ việc) hoặc biên bản phát hiện vi phạm của người hành nghề chứng khoán (nếu có);

3.2.4. Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi xảy ra các sự kiện dưới đây, Công ty phải báo cáo UBCKNN bằng văn bản:

- a. Tỷ lệ tổng nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty vượt quá 05 lần (giá trị tổng nợ không bao gồm: Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng; Quỹ khen thưởng phúc lợi; Dự phòng trợ cấp mất việc làm; Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư;
- b. Nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn;
- c. Công ty thực hiện chào bán trái phiếu không tuân theo quy định tại Điều 31 Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và phải đảm bảo tuân thủ tỷ lệ quy định tại điểm a và điểm b khoản này;
- d. Công ty thực hiện mua, góp vốn mua bất động sản mà không thuộc trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- e. Công ty thực hiện mua, góp vốn mua bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- f. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán vượt quá 70% vốn chủ sở hữu;
- g. Công ty chứng khoán trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lộ lẽ theo yêu cầu của khách hàng;

NAVI BANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 19 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

- Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

3.2.5. Công ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng giữa Công ty và ngân hàng thương mại chậm nhất trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ký các hợp đồng dưới đây:

- Hợp đồng thỏa thuận về cách thức xác nhận, phong tỏa số dư tiền và chuyển tiền thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng;
- Hợp đồng Công ty mở tài khoản chuyên dụng tại ngân hàng thương mại để quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng.

3.2.6. Công ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của cổ đông sở hữu từ 10% trở lên vốn điều lệ của Công ty đối với các trường hợp sau:

- a) Số cổ phần bị phong tỏa, cầm cố hoặc bị xử lý theo quyết định của tòa án;
- b) Cổ đông là tổ chức quyết định thay đổi tên hoặc chia, tách, giải thể, phá sản

3.2.7. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện có thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc vi phạm pháp luật, Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCKNN.

3.2.8. Trường hợp Công ty thay đổi hệ thống quản lý giao dịch ký quỹ phải báo UBCKNN tối thiểu 15 (mười lăm) ngày trước ngày dự kiến chính thức tổ chức triển khai thực hiện. Nội dung báo cáo phải chứng minh được hệ thống quản lý giao dịch mới tiếp tục đáp ứng quy định về quản lý giao dịch ký quỹ hiện hành.

3.2.9. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hoàn tất việc thanh lý các Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ, Công ty phải báo cáo UBCKNN về việc tất toán dịch vụ giao dịch ký quỹ. Tài liệu báo cáo bao gồm:

- a) Báo cáo chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 của Quy chế Hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/04/2017;

NAVI BANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 20 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

b) Báo cáo kết quả thanh lý hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ;

c) Quyết định của Hội đồng quản trị về việc chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ.

3.2.10. Kể từ khi tỷ lệ vốn khả dụng xuống dưới 180%, tổ chức kinh doanh chứng khoán phải báo cáo UBCKNN tỷ lệ vốn khả dụng theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 91/2020/TT-BTC 01 (một) tháng 02 (hai) lần (dữ liệu tại ngày 15 và 30 hàng tháng). Báo cáo phải được gửi bằng tệp thông tin điện tử thực hiện qua hệ thống cơ sở dữ liệu trong vòng 03 (ba) ngày làm việc sau ngày 15 và 30 hàng tháng.

3.2.11. Kể từ khi tỷ lệ vốn khả dụng xuống dưới 150%, tổ chức kinh doanh chứng khoán phải báo cáo UBCKNN tỷ lệ vốn khả dụng 01 (một) tuần 01 (một) lần theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 91/2020/TT-BTC. Báo cáo phải được gửi bằng tệp thông tin điện tử thực hiện qua hệ thống cơ sở dữ liệu trước 16 giờ ngày thứ sáu hàng tuần.

3.2.12. Kể từ khi tỷ lệ vốn khả dụng giảm xuống dưới 120%, tổ chức kinh doanh chứng khoán hàng ngày phải báo cáo UBCKNN tỷ lệ vốn khả dụng theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 91/2020/TT-BTC. Báo cáo phải được gửi bằng tệp thông tin điện tử thực hiện qua hệ thống cơ sở dữ liệu trước 16 giờ hàng ngày.

3.2.13. Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi thực hiện nâng cấp hoặc thay đổi hệ thống giao dịch chứng khoán trực tuyến: Thay đổi core hệ thống, thay đổi phương thức giao dịch, thay đổi nhân sự công nghệ thông tin, thay đổi địa điểm đặt hệ thống, Công ty phải gửi báo cáo đến UBCKNN theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư 134/2017/TT-BTC vùng các tài liệu liên quan;

3.3. Báo cáo theo yêu cầu

Công ty phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo UBCKNN, SGDCK, UBGSTC, VSDC khi nhận được yêu cầu bằng văn bản có nêu rõ nội dung và thời hạn BC từ cơ quan quản lý nhà nước.

4. QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

4.1. Các nội dung CBTT

- CBTT định kỳ;
- CBTT bất thường;
- CBTT theo yêu cầu;
- Các nội dung cần CBTT khác.

4.2. Thẩm quyền xét duyệt CBTT

- Người đại diện theo pháp luật là người có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất trong việc xét duyệt và CBTT;
- Người đại diện theo pháp luật có thể ủy quyền thực hiện CBTT bằng văn bản cho NCBTT.

4.3. Các bước thực hiện CBTT

4.3.1. Bước 1: Gửi thông tin

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 21 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

Trong quá trình hoạt động của Công ty, khi phát sinh các nội dung cần CBTT theo quy định của pháp luật và quy định tại Mục 5 của Quy chế này, các cá nhân hoặc các khối/phòng có liên quan phải ngay lập tức thông báo cho NCBTT để thực hiện nghĩa vụ CBTT theo đúng cách thức và thời hạn được quy định.

4.3.2. Bước 2: Xử lý thông tin

Sau khi tiếp nhận thông tin từ các cá nhân, hoặc các khối/phòng có liên quan, NCBTT phải tiến hành kiểm tra tính chính xác của nội dung CBTT cùng các tài liệu kèm theo, đồng thời thực hiện đối chiếu với các quy định hiện hành về CBTT.

4.3.3. Bước 3: Xây dựng hồ sơ CBTT

Sau khi xác thực thông tin cần công bố là chính xác, NCBTT thực hiện lập công văn CBTT kèm theo các tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý Nhà nước.

4.3.4. Bước 4: Phê duyệt

NCBTT hoàn thiện công văn CBTT kèm theo các tài liệu có liên quan, in và trình xin chữ ký của người có thẩm quyền kiểm tra và phê duyệt CBTT, sau đó, xin dấu xác nhận của Công ty;

4.3.5. Bước 5: Hoàn thiện CBTT

NCBTT scan lại toàn bộ hồ sơ CBTT đã hoàn thiện để phục vụ việc gửi CBTT và lưu trữ thông tin bản mềm cùng với việc lưu CBTT bản cứng của Công ty;

4.3.6. Bước 6: Thực hiện việc CBTT

NCBTT thực hiện việc CBTT theo đúng trình tự, thủ tục được quy định trong các văn bản pháp luật và quy chế của UBCKNN, UBGSTC cùng các SGĐCK đối với từng CBTT cụ thể.

4.3.7. Bước 7: Hậu kiểm BC

Sau khi CBTT, NCBTT có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu lại các số liệu và nội dung đã thực hiện CBTT. Nếu phát hiện thấy dấu hiệu sai sót, không đúng với nội dung đã cung cấp, NCBTT có ý kiến yêu cầu nơi đăng tải CBTT phải đính chính lại các thông tin mà Công ty đã công bố.

5. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

5.1. Quy định về tài liệu CBTT

Tài liệu CBTT thể hiện dưới hình thức văn bản và/hoặc tệp dữ liệu điện tử phải đáp ứng các quy định sau:

5.1.1. Đối với tài liệu dưới hình thức văn bản

- Văn bản đầy đủ nội dung hợp lệ theo quy định của pháp luật. Văn bản hợp lệ bao gồm bản chính hợp lệ và bản sao hợp lệ.
- Yêu cầu đối với văn bản hợp lệ: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền CBTT của Công ty, bao gồm: chức vụ, họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền phê duyệt CBTT và dấu xác nhận của Công ty.

5.1.2. Đối với tài liệu dưới hình thức dữ liệu điện tử

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 22 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

- Dữ liệu điện tử có định dạng doc/docx/xls/xlsx/pdf (sử dụng bảng mã Unicode);
 - Trường hợp dữ liệu điện tử gửi qua Hệ thống CIMS/SCMS, định dạng thông tin công bố thực hiện theo quy định của Hệ thống CIMS/SCMS;
- Dung lượng tối đa của dữ liệu điện tử là 15MB, trường hợp dung lượng của dữ liệu điện tử lớn hơn mức tối đa, Công ty thực hiện cung cấp đường dẫn đến địa chỉ website của Công ty mà có đăng tải toàn bộ nội dung thông tin công bố.

5.2. Tạm hoãn CBTT

- Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDKK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.
- Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

5.3. Công bố thông tin định kỳ

5.3.1. CBTT Báo cáo tài chính


5.3.1.1. Công ty phải CBTT BCTC (theo mẫu quy định tại Phụ lục 04 Thông tư 334/2016/TT-BTC về việc “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán” do Bộ Tài Chính ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 27/12/2016) trong thời hạn CBTT BCTC quý, bán niên, năm được quy định lần lượt tại phần 3.1.4.2; 3.1.5.5; 3.1.6.10 khoản 3.1 Mục 3 của Quy chế này theo các hình thức sau:

- a) CBTT đến UBCKNN theo hình thức CBTT trực tuyến tại hệ thống SCMS;
- b) CBTT đến VNX theo hình thức CBTT trực tuyến tại hệ thống CIMS;
- c) CBTT đến UBGSTC theo hình thức gửi mail và thư bản cứng đến đầu mỗi nhận BC của UBGSTC;
- d) CBTT trên Website của Công ty tại mục “Công bố thông tin” và mục “Báo cáo Tài chính” thuộc chuyên mục “Quan hệ nhà đầu tư”.

5.3.1.2. Những điểm cần lưu ý khi thực hiện CBTT BCTC

Công ty phải gửi UBCKNN, UBGSTC và VNX công văn giải trình kèm theo BCTC trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

 NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 23 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

5.3.2. **CBTT Báo cáo Tỷ lệ An toàn tài chính**

Công ty phải CBTT BC Tỷ lệ An toàn tài chính (theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 91/2020/TT-BTC) trong thời hạn BC Tỷ lệ An toàn tài chính bán niên và năm được quy định lần lượt tại phần 3.1.5.4; 3.1.6.9 khoản 3.1 Mục 3 của Quy chế này theo các hình thức sau:

- a) CBTT đến UBCKNN theo hình thức CBTT trực tuyến tại hệ thống SCMS;
- b) CBTT đến VNX theo hình thức CBTT trực tuyến tại hệ thống CIMS;
- c) CBTT đến UBGSTC theo hình thức gửi mail và thư bản cứng đến đầu mỗi nhận BC của UBGSTC;
- d) CBTT trên Website của Công ty tại mục “Công bố thông tin” và mục “Báo cáo Tài chính” thuộc chuyên mục “Quan hệ nhà đầu tư”.

5.3.3. **CBTT BC Tình hình quản trị công ty**

Công ty phải CBTT BC Tình hình quản trị công ty (theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC) trong thời hạn BC Tình hình quản trị công ty bán niên và năm được quy định lần lượt tại phần 3.1.5.3; 3.1.6.8 khoản 3.1 Mục 3 của Quy chế này theo các hình thức sau:

- a) CBTT đến UBCKNN theo hình thức CBTT trực tuyến tại hệ thống SCMS;
- b) CBTT đến VNX theo hình thức CBTT trực tuyến tại hệ thống CIMS;
- c) CBTT trên Website của Công ty tại mục “Công bố thông tin” và mục “Báo cáo Tài chính” thuộc chuyên mục “Quan hệ nhà đầu tư”.

5.3.4. **CBTT BC Thường niên**

Công ty phải CBTT BC Thường niên (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC) trong thời hạn BC Thường niên được quy định tại phần 3.1.6.11 khoản 3.1 Mục 3 của Quy chế này theo các hình thức sau:

- a) CBTT đến UBCKNN theo hình thức CBTT trực tuyến tại hệ thống SCMS;
- b) CBTT đến VNX theo hình thức CBTT trực tuyến tại hệ thống CIMS;
- c) CBTT trên Website của Công ty tại mục “Công bố thông tin” và mục “Báo cáo Tài chính” thuộc chuyên mục “Quan hệ nhà đầu tư”.

5.3.5. **CBTT về ĐHĐCĐ**

5.3.5.1. CBTT về hợp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường

- a) Tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự hợp ĐHĐCĐ, Công ty phải Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến trên trang thông tin điện tử của công ty và của UBCKNN, SGDCK.
- b) Tối thiểu 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc hợp ĐHĐCĐ nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của UBCKNN, SGDCK về việc hợp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu hợp

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 24 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

c) Công ty phải công bố biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm biên bản họp và nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua.

5.3.5.2. CBTT về việc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Tối thiểu 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến (nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn), Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình và của UBCKNN, SGDCK, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

b) Công ty phải công bố bản kiểm phiếu trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm hoàn thành việc kiểm phiếu.

5.3.5.3. CBTT về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Công ty phải CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại phần 5.3.5.1-a điểm 5.3.5 khoản này.

5.4. Công bố thông tin bất thường

a. Công ty phải CBTT bất thường, nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có) trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDCK, trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Sau khi UBCKNN có văn bản yêu cầu Công ty chứng khoán chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, Công ty có trách nhiệm CBTT về việc chấm dứt hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán và thực hiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 163 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

- Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

- Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

- Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 25 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

- Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;
- Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;
- Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;
- Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;
- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;
- Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:
 - + Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;
 - + Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;
 - + Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; Công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, Công ty CBTT trong thời hạn 10 (mười) ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT;

NAVI BANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 26 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

- Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;
- Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 (sáu) tháng gần nhất được soát xét;
- Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty;
- Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;
- Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;
- Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;
- Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;
- Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.
- Công ty có quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
- Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét;
- Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
- Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty, chi nhánh, người hành nghề chứng khoán của Công ty, chi nhánh; Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) bị tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề chứng khoán có thời hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến người hành nghề chứng khoán của Công ty, chi nhánh;
- Khi nhận được quyết định của UBCKNN về việc đặt công ty vào diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt hoặc đưa ra khỏi diện cảnh báo, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt; đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt tình trạng đình chỉ hoạt động, tạm ngừng hoạt động;
- Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thành lập, đóng cửa, thay đổi tên,

NAVI BANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 27 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

địa điểm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện ở trong nước hoặc nước ngoài; thay đổi nghiệp vụ kinh doanh tại chi nhánh; thành lập công ty con ở nước ngoài; việc đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

- Khi nhận được quyết định của UBCKNN chấp thuận việc thực hiện cung cấp dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ cho khách hàng vay tiền mua chứng khoán hoặc cung cấp dịch vụ cho vay chứng khoán; cung cấp hoặc phối hợp với các tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán; lưu ký chứng khoán; bù trừ và thanh toán chứng khoán; các dịch vụ trên thị trường chứng khoán phái sinh;

- Khi nhận được quyết định của UBCKNN về chào bán và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài;

- Khi hoàn tất các giao dịch chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp để trở thành cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ đã góp của Công ty chứng khoán không phải là công ty đại chúng; các giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn điều lệ hoặc giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông, thành viên góp vốn vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn điều lệ của công ty quản lý quỹ không phải là công ty đại chúng;

- Khi Công ty chứng khoán tự nguyện chấm dứt, ngừng cung cấp một trong các sản phẩm, dịch vụ, nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;

- Khi Công ty chứng khoán bị sự cố công nghệ thông tin làm ảnh hưởng đến việc thực hiện giao dịch chứng khoán cho khách hàng.

b. Các trường hợp phải CBTT bất thường của Công ty:

- Công ty chứng khoán tự nguyện chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ phải CBTT tại trụ sở chính, các địa điểm kinh doanh hợp pháp khác và trên trang thông tin điện tử của Công ty và thông báo gửi khách hàng, SGDCK, UBCKNN về việc Công ty chấm dứt thực hiện giao dịch ký quỹ;

- Công ty chứng khoán phải CBTT tại trụ sở chính, các chi nhánh, phòng giao dịch và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty về các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty. Trường hợp cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ, Công ty phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ, bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ;

- Công ty chứng khoán khi thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố của khách hàng là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty chứng khoán. Sau khi giao dịch được thực hiện, Công ty chứng khoán phải thông báo về kết quả giao dịch cho khách hàng chậm nhất vào cuối ngày giao dịch để khách hàng thực hiện nghĩa vụ CBTT;

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 28 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

- Công ty chứng khoán là tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm phải thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật về chào bán và giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

5.5. Công bố thông tin theo yêu cầu

a. Công ty chứng khoán phải CBTT trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến công ty, chi nhánh ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

b. Nội dung thông tin công bố quy định tại điểm a khoản này phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

6. TRÁCH NHIỆM

6.1. Ban Lãnh đạo

Các thành viên trong Ban Lãnh đạo có trách nhiệm chỉ đạo, quyết định và phối hợp xử lý các vấn đề cần phải BC/CBTT theo quy định của pháp luật.

6.2. Khối Môi giới

6.2.1. Hàng ngày:

Muộn nhất vào 16h00, MG gửi BC ngày cho NBC về phần số liệu mình phụ trách trong BC nhanh tình hình môi giới và tự doanh chứng khoán niêm yết theo ngày, bao gồm: Tình hình môi giới cổ phiếu niêm yết (tình hình chung, danh sách 30 tài khoản có giá trị giao dịch lớn nhất, danh sách 30 tài khoản có giá trị bán giải chấp lớn nhất, danh sách 15 mã chứng khoán có giao dịch lớn nhất trong ngày), tình hình tự doanh cổ phiếu niêm yết (tình hình chung, tình hình giao dịch của 10 mã cổ phiếu có giá trị lớn nhất trong ngày);

6.2.2. Hàng tháng:


a. BC Tình hình hoạt động

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động tháng tới UBCKNN, UBGSTC và VNX theo quy định tại phần 3.1.3.3 điểm 3.1.3 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, MG phải gửi NCB các nội dung và số liệu BC do MG phụ trách, bao gồm:

- Đối với BC Tình hình hoạt động tháng gửi UBCKNN và UBGSTC, MG phải gửi số liệu tại Biểu II.4 – “Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư”; Biểu II.5 – “Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư”; Biểu II.6 – “Giao dịch chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch”;

- Đối với BC Tình hình hoạt động kinh doanh tháng gửi SGDCK, MG phải gửi số liệu tại mục 2 – “Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư”; mục 3 – “Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân”; mục 5 – “Tình hình giao dịch của nhà đầu tư” và mục 6 – “Tổng phí môi giới thu được” thuộc phần II – “Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư”.

b. BC Tình hình đóng, mở tài khoản và khách hàng ủy quyền

 NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 29 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình đóng, mở tài khoản và khách hàng ủy quyền theo quy định tại phần 3.1.3.5 điểm 3.1.3 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, MG phải gửi nội dung BC cho NCB.

c. BC Giám sát

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Giám sát theo quy định tại phần 3.1.3.2 điểm 3.1.3 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, MG phải gửi nội dung BC cho NCB.

6.2.3. **Hàng quý:**

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động quý tới UBCKNN và UBGSTC theo quy định tại phần 3.1.4.4 điểm 3.1.4 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, MG phải gửi NBC số liệu tại Biểu II.4 – “Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư”.

6.2.4. **Hàng năm:**

a. BC Tình hình hoạt động

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động năm tới UBCKNN, UBGSTC và VNX theo quy định tại phần 3.1.6.1 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, MG phải gửi NBC các nội dung và số liệu BC do MG phụ trách, bao gồm:

- Đối với BC Tình hình hoạt động năm gửi UBCKNN và UBGSTC, MG phải gửi số liệu tại Biểu II.4 – “Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư”; Biểu II.5 – “Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư”; Biểu II.6 – “Giao dịch chứng khoán niêm yết/đăng ký giao dịch”;
- Đối với BC Tình hình hoạt động kinh doanh năm gửi đến SGDCK, MG phải gửi số liệu tại mục 2 – “Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư”; mục 3 – “Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân”; mục 5 – “Tình hình giao dịch của nhà đầu tư” và mục 6 – “Tổng phí môi giới thu được” thuộc phần II – “Số dư tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư”.

6.2.5. MG chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ BC cho VSDC theo quy định và yêu cầu của VSDC;

6.2.6. Trong quá trình vận hành, chậm nhất là trong vòng 06 (sáu) giờ kể từ khi phát sinh các vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách mà Công ty phải BC bất thường theo quy định tại khoản 3.2 Mục 3 hoặc CBTT bất thường theo quy định tại khoản 5.4 Mục 5, MG phải thông báo cho NBC/NCBTT;

6.2.7. MG có trách nhiệm hồi hợp chặt chẽ với NBC/NCBTT khi có vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách cần phải BC hoặc CBTT theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước được quy định lần lượt tại khoản 3.3 Mục 3 – “BC theo yêu cầu” hoặc khoản 5.5 Mục 5 – “CBTT theo yêu cầu”.

6.3. Khối Tư vấn

6.3.1. Hàng tháng:

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động tháng tới UBCKNN và UBGSTC theo quy định tại phần 3.1.3.3-a điểm 3.1.3 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 30 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

này, TV phải gửi NCB các nội dung và số liệu BC tại Biểu II.12 – “Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán” và Biểu II.13 – “Các hoạt động tư vấn và cung cấp dịch vụ”.

6.3.2. Hàng quý:

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC định kỳ quý về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại phần 3.1.4.5 điểm 3.1.4 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TV phải gửi nội dung BC cho NBC.

6.3.3. Hàng năm:

a. BC Tình hình hoạt động

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động năm tới UBCKNN và UBGSTC theo quy định tại phần 3.1.6.1-a điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TV phải gửi NCB các nội dung và số liệu BC tại Biểu II.12 – “Hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán” và Biểu II.13 – “Các hoạt động tư vấn và cung cấp dịch vụ”.

b. BC định kỳ năm về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC định kỳ năm về tình hình tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại phần 3.1.6.12 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TV phải gửi nội dung BC cho NBC.

6.3.4. Trong quá trình vận hành, chậm nhất là trong vòng 06 (sáu) giờ kể từ khi phát sinh các vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách mà Công ty phải BC bất thường theo quy định tại khoản 3.2 Mục 3 hoặc CBTT bất thường theo quy định tại khoản 5.4 Mục 5, TV phải thông báo cho NBC/NCBTT;

6.3.5. TV có trách nhiệm hội hợp chặt chẽ với NBC/NCBTT khi có vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách cần phải BC hoặc CBTT theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước được quy định lần lượt tại khoản 3.3 Mục 3 – “BC theo yêu cầu” hoặc khoản 5.5 Mục 5 – “CBTT theo yêu cầu”.

6.4. Phòng Tự doanh

6.4.1. Hàng tháng:


a. BC Tình hình hoạt động

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động tháng tới UBCKNN, UBGSTC và VNX theo quy định tại phần 3.1.3.3 điểm 3.1.3 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TD phải gửi NCB các nội dung và số liệu BC do TD phụ trách, bao gồm:

- Đối với BC Tình hình hoạt động tháng gửi UBCKNN và UBGSTC, TD phải gửi số liệu tại Biểu II.7 – “Giao dịch chứng khoán chưa niêm yết/đăng ký giao dịch”; Biểu II.10 – “Tình hình nắm giữ chứng khoán niêm yết”; Biểu II.11 – “Tình hình đầu tư, góp vốn vào tổ chức khác”;

- Đối với BC Tình hình hoạt động kinh doanh tháng gửi SGDCK, TD phải gửi số liệu tại phần III – “Hoạt động tự doanh, đầu tư”.

b. BC Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trong Tháng

 NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 31 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trong Tháng theo quy định tại phần 3.1.3.1 điểm 3.1.3 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TD phải gửi nội dung BC cho NBC.

6.4.2. Hàng quý:

a. BC Tình hình hoạt động

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động quý tới UBCKNN, UBGSTC theo quy định tại phần 3.1.4.4 điểm 3.1.4 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TD phải gửi NCB số liệu tại Biểu II.11 “Tình hình đầu tư, góp vốn vào tổ chức khác”.

b. BC Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trong Quý

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trong Quý theo quy định tại phần 3.1.4.1 điểm 3.1.4 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TD phải gửi nội dung BC cho NBC.

6.4.3. Hàng năm:

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động năm tới UBCKNN, UBGSTC và VNX theo quy định tại phần 3.1.6.1 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TD phải gửi NCB các nội dung và số liệu BC do TD phụ trách, bao gồm:

- Đối với BC Tình hình hoạt động năm gửi UBCKNN và UBGSTC, TD phải gửi số liệu tại Biểu II.7 – “Giao dịch chứng khoán chưa niêm yết/đăng ký giao dịch”; Biểu II.10 - “Tình hình nắm giữ chứng khoán niêm yết”; Biểu II.11 – “Tình hình đầu tư, góp vốn vào tổ chức khác”;
- Đối với BC Tình hình hoạt động kinh doanh năm gửi SGDCK, TD phải gửi số liệu tại phần III – “Hoạt động tự doanh, đầu tư”.


6.4.4. Trong quá trình vận hành, chậm nhất là trong vòng 06 (sáu) giờ kể từ khi phát sinh các vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách mà Công ty phải BC bất thường theo quy định tại khoản 3.2 Mục 3 hoặc CBTT bất thường theo quy định tại khoản 5.4 Mục 5, TD phải thông báo cho NBC/NCBTT;

6.4.5. TD có trách nhiệm hồi hợp chặt chẽ với NBC/NCBTT khi có vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách cần phải BC hoặc CBTT theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước được quy định lần lượt tại khoản 3.3 Mục 3 – “BC theo yêu cầu” hoặc khoản 5.5 Mục 5 – “CBTT theo yêu cầu”.

6.5. Khối Công nghệ thông tin

6.5.1. Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC năm về hoạt động giao dịch chứng khoán trực tuyến theo quy định tại phần 3.1.6.7 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, CNTT phải gửi nội dung BC cho NBC.

6.5.2. Trong quá trình vận hành, chậm nhất là trong vòng 06 (sáu) giờ kể từ khi phát sinh các vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách mà Công ty phải BC bất thường theo quy định tại khoản 3.2 Mục 3 hoặc CBTT bất thường theo quy định tại khoản 5.4 Mục 5, CNTT phải thông báo cho NBC/NCBTT;

 NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 32 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

6.5.3. CNTT có trách nhiệm hồi hợp chặt chẽ với NBC/NCBTT khi có vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách cần phải BC hoặc CBTT theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước được quy định lần lượt tại khoản 3.3 Mục 3 – “BC theo yêu cầu” hoặc khoản 5.5 Mục 5 – “CBTT theo yêu cầu”.

6.5.4.

6.6. Phòng Tài chính - Kế toán

6.6.1. Hàng ngày:

Muộn nhất vào 16h00, TCKT gửi BC ngày cho NBC về phần số liệu mình phụ trách trong BC nhanh tình hình môi giới và tự doanh chứng khoán niêm yết theo ngày, bao gồm: tình hình giao dịch ký quỹ, thông tin về dòng tiền ngân hàng đầu tư vào thị trường chứng khoán;

6.6.2. Hàng tuần:

Muộn nhất vào 10h00 ngày thứ 2 hàng tuần, TCKT gửi NBC số lượng khách hàng, số dư tiền của khách hàng tại tài khoản chuyên dụng của công ty chứng khoán mở tại ngân hàng thương mại theo mẫu BC và thời điểm chốt số liệu BC quy định tại điểm 3.1.2 khoản 3.1 Mục 3 của Quy chế này.

6.6.3. Hàng tháng:

a. BC Tình hình hoạt động

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động tháng tới UBCKNN, UBGSTC và VNX theo quy định tại phần 3.1.3.3 điểm 3.1.3 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi NCB các nội dung và số liệu BC do TCKT phụ trách, bao gồm:

- Đối với BC Tình hình hoạt động tháng gửi UBCKNN và UBGSTC, TCKT phải gửi số liệu tại Biểu II.8 – “Tình hình giao dịch ký quỹ chứng khoán”; Biểu II.9 – “Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân”;
- Đối với BC Tình hình hoạt động kinh doanh tháng gửi SGDCK, TCKT phải gửi số liệu tại mục 3 – “Tình hình tài chính” thuộc phần I – “Thông tin chung về thành viên giao dịch”; mục 4 – “Tình hình giao dịch ký quỹ chứng khoán” thuộc phần II – “Tình hình hoạt động môi giới”.

b. BC Tỷ lệ an toàn tài chính

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định tại phần 3.1.3.4 điểm 3.1.3 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi nội dung BC cho NCB.

c. BC tình hình tài sản có - tài sản nợ

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC tình hình tài sản có - tài sản nợ theo quy định tại phần 3.1.3.6 điểm 3.1.3 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi nội dung BC cho NCB.

6.6.4. Hàng quý:

a. BC Tình hình hoạt động

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 33 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động quý tới UBCKNN, UBGSTC theo quy định tại phần 3.1.4.4 điểm 3.1.4 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi NCB số liệu tại phần “II. Kết quả kinh doanh” tại Biểu I “Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty chứng khoán”.

b. BC tình hình tài sản có - tài sản nợ

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC tình hình tài sản có - tài sản nợ theo quy định tại phần 3.1.4.3 điểm 3.1.4 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi nội dung BC cho NCB.

c. BCTC Quý

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm CBTT BCTC quý theo quy định tại phần 3.1.4.2 điểm 3.1.4 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi nội dung BC cho NCBTT.

6.6.5. Bán niên:

a. BC chi tiết các khoản phải thu lớn nhất tại thời điểm 30/6

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC chi tiết các khoản phải thu lớn nhất tại thời điểm 30/6 theo quy định tại phần 3.1.5.1 điểm 3.1.5 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi nội dung BC cho NCB.

b. BC Tỷ lệ an toàn tài chính

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm CBTT BC Tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định tại phần 3.1.5.4 điểm 3.1.5 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi nội dung BC cho NCBTT.

c. BCTC bán niên

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm CBTT BCTC 6 tháng đầu năm theo quy định tại phần 3.1.5.5 điểm 3.1.5 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi nội dung BC cho NCBTT.

6.6.6. Hàng năm:

a. BC Tình hình hoạt động

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động năm tới UBCKNN, UBGSTC và VNX theo quy định tại phần 3.1.6.1 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi NCB các nội dung và số liệu BC do TCKT phụ trách, bao gồm:

- Đối với BC Tình hình hoạt động tháng gửi UBCKNN và UBGSTC, TCKT phải gửi số liệu tại phần “II. Kết quả kinh doanh” tại Biểu I “Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty chứng khoán”; Biểu II.8 – “Tình hình giao dịch ký quỹ chứng khoán”; Biểu II.9 – “Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân”;

- Đối với BC Tình hình hoạt động kinh doanh tháng gửi SGDCK, TCKT phải gửi số liệu tại mục 3 – “Tình hình tài chính” thuộc phần I – “Thông tin chung về thành viên giao dịch”; mục 4 – “Tình hình giao dịch ký quỹ chứng khoán” thuộc phần II – “Tình hình hoạt động môi giới”.

NAVI BANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 34 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

- b. BC chi tiết các khoản phải thu lớn nhất tại thời điểm 31/12
 Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC chi tiết các khoản phải thu lớn nhất tại thời điểm 31/12 theo quy định tại phần 3.1.6.3 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi nội dung BC cho NCB.
- c. BC Tỷ lệ an toàn tài chính
 Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm CBTT BC Tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định tại phần 3.1.6.9 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi nội dung BC cho NCBTT.
- d. BCTC năm
 Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm CBTT BCTC năm theo quy định tại phần 3.1.6.10 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, TCKT phải gửi nội dung BC cho NCBTT.
- 6.6.7. Trong quá trình vận hành, chậm nhất là trong vòng 06 (sáu) giờ kể từ khi phát sinh các vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách mà Công ty phải BC bất thường theo quy định tại khoản 3.2 Mục 3 hoặc CBTT bất thường theo quy định tại khoản 5.4 Mục 5, TCKT phải thông báo cho NBC/NCBTT;
- 6.6.8. TCKT có trách nhiệm hồi hợp chặt chẽ với NBC/NCBTT khi có vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách cần phải BC hoặc CBTT theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước được quy định lần lượt tại khoản 3.3 Mục 3 – “BC theo yêu cầu” hoặc khoản 5.5 Mục 5 – “CBTT theo yêu cầu”.
- 6.7. Phòng Hành chính - Nhân sự**
- 6.7.1. Hàng tháng:
 Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động tháng tới UBCKNN, UBGSTC và VNX theo quy định tại phần 3.1.3.3 điểm 3.1.3 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, HCNS phải gửi NCB các nội dung và số liệu BC do HCNS phụ trách, bao gồm:
- Đối với BC Tình hình hoạt động tháng gửi UBCKNN và UBGSTC, HCNS phải gửi số liệu tại Biểu II.1 – “Tình hình nhân sự”;
 - Đối với BC Tình hình hoạt động kinh doanh tháng gửi SGDCK, TCKT phải gửi số liệu tại tiêu mục a – “Tình hình nhân sự” thuộc mục 1 – “Tình hình nhân sự và cổ đông của công ty chứng khoán” thuộc phần I “Thông tin chung về thành viên giao dịch”.
- 6.7.2. Hàng quý:
 Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động quý tới UBCKNN, UBGSTC theo quy định tại phần 3.1.4.4 điểm 3.1.4 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, HCNS phải gửi NCB số liệu tại Biểu II.1 – “Tình hình nhân sự”.
- 6.7.3. Hàng năm:
- a. BC Tình hình hoạt động

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 35 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động năm tới UBCKNN, UBGSTC và VNX theo quy định tại phần 3.1.6.1 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, HCNS phải gửi NCB các nội dung và số liệu BC do HCNS phụ trách, bao gồm:

- Đối với BC Tình hình hoạt động tháng gửi UBCKNN và UBGSTC, HCNS phải gửi số liệu tại Biểu II.1 – “Tình hình nhân sự”;
- Đối với BC Tình hình hoạt động kinh doanh tháng gửi SGDCK, TCKT phải gửi số liệu tại tiểu mục a – “Tình hình nhân sự” thuộc mục 1 – “Tình hình nhân sự và cổ đông của công ty chứng khoán” thuộc phần I “Thông tin chung về thành viên giao dịch”.

b. BC Danh sách nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đang làm việc tại công ty

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Danh sách nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đang làm việc tại công ty theo quy định tại phần 3.1.6.2 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, HCNS phải gửi nội dung BC cho NBC.

6.7.4. Trong quá trình vận hành, chậm nhất là trong vòng 06 (sáu) giờ kể từ khi phát sinh các vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách mà Công ty phải BC bất thường theo quy định tại khoản 3.2 Mục 3 hoặc CBTT bất thường theo quy định tại khoản 5.4 Mục 5, HCNS phải thông báo cho NBC/NCBTT;

6.7.5. HCNS có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với NBC/NCBTT khi có vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách cần phải BC hoặc CBTT theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước được quy định lần lượt tại khoản 3.3 Mục 3 – “BC theo yêu cầu” hoặc khoản 5.5 Mục 5 – “CBTT theo yêu cầu”.

6.8. Phòng Quản trị rủi ro

6.8.1. Bán niên:

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC quản trị rủi ro theo quy định tại phần 3.1.5.2 điểm 3.1.5 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, QTRR phải gửi nội dung BC cho NBC.

6.8.2. Hàng năm:

a. BC Quản trị rủi ro

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC quản trị rủi ro theo quy định tại phần 3.1.6.4 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, QTRR phải gửi nội dung BC cho NBC.

b. BC chính sách rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC chính sách rủi ro đã được Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định tại phần 3.1.6.5 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, QTRR phải gửi nội dung BC cho NBC.

6.8.3. Trong quá trình vận hành, chậm nhất là trong vòng 06 (sáu) giờ kể từ khi phát sinh các vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách mà Công ty phải BC bất thường theo quy định tại khoản 3.2 Mục 3 hoặc CBTT bất thường theo quy định tại khoản 5.4 Mục 5, QTRR phải thông báo cho

NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 36 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

NBC/NCBTT;

6.8.4. QTRR có trách nhiệm hồi hợp chặt chẽ với NBC/NCBTT khi có vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách cần phải BC hoặc CBTT theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước được quy định lần lượt tại khoản 3.3 Mục 3 – “BC theo yêu cầu” hoặc khoản 5.5 Mục 5 – “CBTT theo yêu cầu”.

6.9. Phòng Kiểm toán nội bộ

6.9.1. Hàng năm:

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền theo quy định tại phần 3.1.6.6 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, KTNB phải gửi nội dung BC cho NBC.

6.9.2. Trong quá trình vận hành, chậm nhất là trong vòng 06 (sáu) giờ kể từ khi phát sinh các vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách mà Công ty phải BC bất thường theo quy định tại khoản 3.2 Mục 3 hoặc CBTT bất thường theo quy định tại khoản 5.4 Mục 5, KTNB phải thông báo cho NBC/NCBTT;

KTNB có trách nhiệm hồi hợp chặt chẽ với NBC/NCBTT khi có vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách cần phải BC hoặc CBTT theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước được quy định lần lượt tại khoản 3.3 Mục 3 – “BC theo yêu cầu” hoặc khoản 5.5 Mục 5 – “CBTT theo yêu cầu”.

6.10. Phòng Kiểm soát nội bộ

6.10.1. Hàng tháng:

a. BC Tình hình hoạt động

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động tháng tới UBCKNN, UBGSTC và VNX theo quy định tại phần 3.1.3.3 điểm 3.1.3 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, KSNB phải gửi NCB các nội dung và số liệu BC do KSNB phụ trách, bao gồm:

- Đối với BC Tình hình hoạt động tháng gửi UBCKNN và UBGSTC, KSNB phải gửi số liệu tại phần “I. Giới thiệu chung về CTCK, phần “III. Hạn chế đầu tư”, phần “IV. Vi phạm quy định về số lượng người hành nghề”, phần “V. Vi phạm chế độ công bố thông tin”, phần “VI. Tình trạng hoạt động” tại Biểu I “Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty chứng khoán”; Biểu II.8 – “Tình hình giao dịch ký quỹ chứng khoán”; Biểu II.9 – “Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân”;

- Đối với BC Tình hình hoạt động kinh doanh tháng gửi SGDCK, KSNB phải gửi số liệu tại tiểu mục b – “Tình hình cổ đông/thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán” thuộc mục 1 – “Tình hình nhân sự và cổ đông của công ty chứng khoán”; mục 2 – “Mạng lưới hoạt động” thuộc phần I “Thông tin chung về thành viên giao dịch”.

b. Kiểm tra BC

Hàng tháng, khi nhận được BC Giám sát tháng, BC Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trong Tháng, BC Tỷ lệ an toàn tài chính tháng từ NBC, KSNB phải tiến hành kiểm tra,

NAVI BANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 37 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

đối chiếu số liệu BC với số liệu thực tế vận hành của Công ty để xác thực thông tin trong BC, làm căn cứ để ký xác nhận nội dung của các BC.

6.10.2. Hàng quý:

a. BC Tình hình hoạt động

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động quý tới UBCKNN, UBGSTC theo quy định tại phần 3.1.4.4 điểm 3.1.4 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, KSNB phải gửi NCB số liệu tại phần “I. Giới thiệu chung về CTCK, phần “III. Hạn chế đầu tư”, phần “IV. Vi phạm quy định về số lượng người hành nghề”, phần “V. Vi phạm chế độ công bố thông tin”, phần “VI. Tình trạng hoạt động” tại Biểu I “Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty chứng khoán”.

b. Kiểm tra BC

Hàng quý, khi nhận được BC Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trong quý từ NBC, KSNB phải tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu BC với số liệu thực tế vận hành của Công ty để xác thực thông tin trong BC, làm căn cứ để ký xác nhận nội dung của BC.

6.10.3. Bán niên:

a. BC Tình hình quản trị Công ty

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm công bố BC Tình hình quản trị Công ty 06 tháng đầu năm theo quy định tại phần 3.1.5.3 điểm 3.1.5 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, KSNB phải gửi nội dung BC cho NCBTT.

b. Kiểm tra BC Tỷ lệ An toàn tài chính bán niên

Khi nhận được BC Tỷ lệ An toàn tài chính bán niên từ NCBTT, KSNB phải tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu BC với số liệu thực tế vận hành của Công ty để xác thực thông tin trong BC, làm căn cứ để ký xác nhận nội dung của BC.

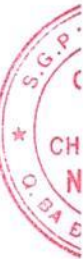
6.10.4. Hàng năm:

a. BC Tình hình hoạt động

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm nộp BC Tình hình hoạt động năm tới UBCKNN, UBGSTC và VNX theo quy định tại phần 3.1.6.1 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, KSNB phải gửi NCB các nội dung và số liệu BC do KSNB phụ trách, bao gồm:

- Đối với BC Tình hình hoạt động tháng gửi UBCKNN và UBGSTC, KSNB phải gửi số liệu tại phần “I. Giới thiệu chung về CTCK, phần “III. Hạn chế đầu tư”, phần “IV. Vi phạm quy định về số lượng người hành nghề”, phần “V. Vi phạm chế độ công bố thông tin”, phần “VI. Tình trạng hoạt động” tại Biểu I “Báo cáo tình hình hoạt động của Công ty chứng khoán”; Biểu II.8 – “Tình hình giao dịch ký quỹ chứng khoán”; Biểu II.9 – “Ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân”;

- Đối với BC Tình hình hoạt động kinh doanh tháng gửi SGDCK, KSNB phải gửi số liệu tại tiểu mục b – “Tình hình cổ đông/thành viên góp vốn nắm giữ từ 5% vốn điều lệ của công ty chứng



NAVIBANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 38 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

khoán” thuộc mục 1 – “Tình hình nhân sự và cổ đông của công ty chứng khoán”; mục 2 – “Mạng lưới hoạt động” thuộc phần I “Thông tin chung về thành viên giao dịch”.

b. BC Tình hình quản trị Công ty

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm công bố BC Tình hình quản trị Công ty năm theo quy định tại phần 3.1.6.8 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, KSNB phải gửi nội dung BC cho NCBTT.

c. BC Thường niên

Chậm nhất vào 02 (hai) ngày làm việc trước thời điểm công bố BC Thường niên theo quy định tại phần 3.1.6.11 điểm 3.1.6 khoản 3.1 Mục 3 Quy chế này, KSNB phải gửi nội dung BC cho CBTT.

d. Kiểm tra BC Tỷ lệ An toàn tài chính năm

Khi nhận được BC Tỷ lệ An toàn tài chính năm từ NCBTT, KSNB phải tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu BC với số liệu thực tế vận hành của Công ty để xác thực thông tin trong BC, làm căn cứ để ký xác nhận nội dung của BC.

6.10.5. Trong quá trình vận hành, chậm nhất là trong vòng 06 (sáu) giờ kể từ khi phát sinh các vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách mà Công ty phải BC bất thường theo quy định tại khoản 3.2 Mục 3 hoặc CBTT bất thường theo quy định tại khoản 5.4 Mục 5, KSNB phải thông báo cho NBC/NCBTT;

6.10.6. KSNB có trách nhiệm hồi hợp chặt chẽ với NBC/NCBTT khi có vấn đề liên quan đến bộ phận mình phụ trách cần phải BC hoặc CBTT theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước được quy định lần lượt tại khoản 3.3 Mục 3 – “BC theo yêu cầu” hoặc khoản 5.5 Mục 5 – “CBTT theo yêu cầu”.

7. LƯU TRỮ HỒ SƠ

NBC, NCBTT, cá nhân, khối/phòng có liên quan đến việc BC và tài liệu BC có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo để phục vụ hoạt động rà soát, đối chiếu và kiểm tra như sau:

- + Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 (mười) năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 (năm) năm;
- + Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 (năm) năm.

02
ÔNG
CỔ PH
ÔNG K
NAVIBA
VH - T

NAVI BANK Securities Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (NVS)	HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	Trang 39 của 39
	Tên Tài liệu:	Số Tài liệu: PC-01
	QUY CHẾ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Hiệu chỉnh lần: 0

8. XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

8.1. Xử lý vi phạm

- Người phụ trách các Khối/phòng/ban chịu trách nhiệm trước HĐQT/TGD về nhiệm vụ liên quan đến BC/CBTT được giao.
- Trường hợp Phụ trách các Khối/phòng/ban thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn làm chậm trễ, sai lệch số liệu BC/CBTT dẫn đến việc Công ty bị nhắc nhở, cảnh cáo hoặc xử phạt vi phạm hành chính, gây thiệt hại cho Công ty thì tùy vào tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân đó phải chịu trách nhiệm kỷ luật và bồi thường vật chất và/hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

8.2. Điều khoản thi hành

- a. Quy chế này có hiệu lực áp dụng kể từ ngày được Chủ tịch HĐQT ký quyết định ban hành;
 - b. Căn cứ vào nội dung của Quy chế này, các Khối/phòng/ban có trách nhiệm nghiêm túc triển khai thực hiện;
 - c. Trường hợp những quy định pháp luật và văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý liên quan đến nghĩa vụ BC/CBTT không được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp cơ quan quản lý ban hành những quy định mới về BC/CBTT mâu thuẫn với nội dung trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh việc thực hiện BC/CBTT của các đối tượng có nghĩa vụ BC/CBTT theo nội dung được quy định tại Quy chế này;
 - d. Quy chế này sẽ tiếp tục được nghiên cứu, điều chỉnh và cập nhật để phù hợp với sự thay đổi của các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế tại Công ty sau ngày Quy chế này được ban hành;
 - e. Quy chế này được lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty trong thời hạn 10 (mười) năm hoặc cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi một Quy chế khác.
- Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được HĐQT thông qua tại cuộc họp của HĐQT hoặc hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.